KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN: CƠ HỌC CÔNG TRÌNH(XD3012)

Lần thi: 1 Học kỳ:2 Năm học: 2016-2017

Phòng thi: H-H 4. 05 Ngày thi: 29/03/2017

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1651010001	Nguyễn Thuý An	2016K1	9.5	3	4.3	D	
2	1651010117	Chu Thị Quỳnh Anh	2016K3	6	0	1.2	F	
3	1651010176	Hà Duy Anh	2016K4	6	3	3.6	F	
4	1651010175	Hoàng Duy Anh	2016K4	0	0	0	F	K
5	1651010233	Hoàng Kỳ Anh	2016K5	6.5	0.3	1.5	F	
6	1651010346	Hoàng Thị Ngọc Anh	2016K2	8.5	1	2.5	F	
7	1651010002	Lê Hoàng Anh	2016K1	5	3	3.4	F	
8	1651010060	Lê Huy Anh	2016K2	8.5	5.5	6.1	C	
9	1651010118	Lê Thị Ngọc Anh	2016K3	8.5	6.5	6.9	C	
10	1651010347	Lê Việt Anh	2016K7	7	5.5	5.8	C	
11	1651010234	Lương Thị Phương Anh	2016K5	8	5	5.6	C	
12	1651010290	Nghiêm Ngọc Phương	2016K6	7	4.5	5	D	
13	1651010177	Nguyễn Duy Anh	2016K4	9	2.3	3.6	F	
14	1651010235	Nguyễn Đình Tuấn Anh	2016K5	5	0	1	F	
15	1651010003	Nguyễn Khả Ngọc Anh	2016K1	9	7.5	7.8	B	
16	1651010061	Nguyễn Phương Anh	2016K2	8.5	0.5	2.1	F	
17	1651010119	Nguyễn Thị Phương Anh	2016K3	9	9.3	9.2	A	
18	1451010013	Nguyễn Thị Vân Anh	2014K3	6.1	0	1.2	F	
19	1451010015	Nguyễn Tuấn Anh	2014K6	5.5	0	1.1	F	
20	1651010291	Nguyễn Trần Trang Anh	2016K6	6.5	1.5	2.5	F	
21	1651010292	Phan Thị Ngọc Anh	2016K6	5	0	1	F	
22	1651010004	Phạm Đức Anh	2016K1	7	4.3	4.8	D	
23	1453010007	Phạm Tuấn Anh	2014KX1	5.5	0	1.1	F	
24	1651010178	Phạm Việt Anh	2016K4	7	1	2.2	F	
25	1651010500	Trần Bá Anh	2016K2	8.5	5.5	6.1	C	
26	1651010062	Trần Quang Anh	2016K2	9	9.3	9.2	A	
27	1651010120	Trần Việt Anh	2016K3	6	0	1.2	F	
28	1651010348	Trần Vũ Việt Anh	2016K7	7.5	0.5	1.9	F	
29	1651010236	Vương Tuấn Anh	2016K5	8.5	6.5	6.9	C	
30	1651010116	Triệu Ngọc ánh	2016K2	8.5	5.8	6.3	C	
31	1651010237	Nguyễn Tiến Bách	2016K5	8	7	7.2	B	
32	1651010293	Nguyễn Doãn Bang	2016K6	6.5	9.3	8.7	A	
33	1651010063	Trần Đức Bằng	2016K2	5	0	1	F	
34	1651010179	Lê Văn Bảo	2016K4	8	1.8	3	F	
35	1651010349	Đỗ Văn Bình	2016K7	7.5	9.5	9.1	A	
36	1451010029	Trần Văn Bình	2014K6	5.5	5	5.1	D	
37	1651010121	Vi Dương Bình	2016K1	5	0	1	F	
38	1651010239	Nguyễn Đình Cảnh	2016K5	8	2	3.2	F	
39	1651010462	SIZOMPHOU	2016K2	0	0	0	F	K
40	1651010064	Phạm Minh Châu	2016K2	8.5	7	7.3	B	
41	1651010238	Hoàng Ngọc Linh Chi	2016K5	6.5	4.8	5.1	D	
42	1651010294	Đinh Công Chinh	2016K6	7.7	7	7.1	B	
43	1651010005	Lê Văn Chính	2016K1	8.7	4	4.9	D	
44	1651010350	Ngô Đức Chính	2016K7	6.5	1	2.1	F	
45	1651010122	Nguyễn Trọng Chính	2016K3	8.5	5.3	5.9	C	
46	1453010016	Đào Đức Chung	2014KX2	6	1.8	2.6	F	
47	1651010180	Nguyễn Đắc Chung	2016K4	7	0	1.4	F	
48	1451010056	Nguyễn Quang Chung	2014K5	8	3.3	4.2	D	
49	1651010295	Đinh Văn Công	2016K6	7.1	5.3	5.7	C	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
50	1651010006	Phạm Văn Công	2016K1	7.3	2.8	3.7	F	
51	1651010181	Cao Xuân Cương	2016K4	7	0	1.4	F	
52	1651010351	Đỗ Văn Cường	2016K7	7	0.5	1.8	F	
53	1651010065	Lê Trí Cường	2016K2	6	1.5	2.4	F	
54	1651010007	Nguyễn Tiến Cường	2016K1	6.8	3	3.8	F	
55	1651010123	Phạm Văn Cường	2016K3	7	0	1.4	F	
56	1451010094	Nguyễn Văn Đại	2014K4	6	1.1	2.1	F	
57	1651010010	Trần Ngọc Đăng	2016K1	8	8.5	8.4	B	
58	1651010126	Vũ Hải Đăng	2016K3	8	0.3	1.8	F	
59	1651010127	Bùi Tiến Đạt	2016K3	3	0	0.6	F	
60	1651010243	Đỗ Thành Đạt	2016K5	7.5	1.5	2.7	F	
61	1651010300	Đỗ Tiến Đạt	2016K6	6.1	4	4.4	D	
62	1651010186	Đỗ Xuân Đạt	2016K4	8.5	0	1.7	F	
63	1651010355	Lư Tiến Đạt	2016K7	5.5	0	1.1	F	
64	1651010011	Vương Tất Đạt	2016K1	7	6.5	6.6	C	
65	1651010182	Đỗ Minh Từ Diễm	2016K4	5.5	6.3	6.1	C	
66	1651010066	Vũ Minh Diện	2016K2	7	4.5	5	D	
67	1451010082	Bùi Hồng Điệp	2014K4	8.5	6.8	7.1	B	
68	1651010070	Nguyễn Văn Định	2016K2	6	2	2.8	F	
69	1651010068	Nguyễn Xuân Đoàn	2016K2	8.5	2	3.3	F	
70	1451010062	Nguyễn Đình Doanh	2014K6	6	4.3	4.6	D	
71	1651010354	Hoàng Trung Đông	2016K7	10	8.8	9	A	
72	1651010242	Phạm Ngọc Duy Đông	2016K5	10	7.5	8	B	
73	1651010299	Vũ Tiến Đông	2016K6	5	1	1.8	F	
74	1651010297	Trần Công Duẩn	2016K6	8.5	6.8	7.1	B	
75	1651010012	Cao Hữu Đức	2016K1	0	0	0	F	K
76	1651010128	Kiều Minh Đức	2016K3	7	2.5	3.4	F	
77	1651010356	Nguyễn Cao Đức	2016K7	0	0	0	F	K
78	1651010244	Nguyễn Doãn Đức	2016K5	5	0.5	1.4	F	
79	1651010301	Nguyễn Linh Đức	2016K6	7	6.5	6.6	C	
80	1651010187	Nguyễn Trung Đức	2016K4	5	5.5	5.4	D	
81	1651010071	Trần Khánh Đức	2016K6	10	9.5	9.6	A	
82	1651010008	Nguyễn Ngọc Dung	2016K1	9.5	9	9.1	A	
83	1651010125	Dương Ngọc Dũng	2016K3	8.5	6.5	6.9	C	
84	1651010184	Đỗ Tiến Dũng	2016K4	7	4.5	5	D	
85	1651010353	Lê Mạnh Dũng	2016K7	7	0	1.4	F	
86	1651010241	Nguyễn Anh Dũng	2016K5	7.5	3.5	4.3	D	
87	1651010298	Phạm Đức Dũng	2016K6	10	9.5	9.6	A	
88	1651010296	Vũ Trung Dũng	2016K4	5.1	5.3	5.3	D	
89	1651010069	Đậu Văn Được	2016K2	8.5	2.5	3.7	F	
90	1551010336	Đoàn Huy Dương	2016K7	5.5	3	3.5	F	
91	1453010018	Nguyễn Công Tùng	2014KX2	8.5	7	7.3	B	
92	1651010240	Nguyễn Xuân Dương	2016K5	7.5	2.8	3.7	F	
93	1651010067	Trần Hoàng Dương	2016K2	7.5	4.5	5.1	D	
94	1651010009	Trịnh Hải Dương	2016K3	7	2	3	F	
95	1651010185	Chu Thị Minh Đường	2016K4	8.5	0	1.7	F	
96	1551010108	Cắm Thế Duy	2016K7	0	0	0	F	K
97	1651010183	Đào Ngọc Duy	2016K4	8	0.5	2	F	
98	1651010352	Nguyễn Đức Duy	2016K7	10	9.5	9.6	A	
99	1651010124	Nguyễn Đức Duy	2016K3	6	1	2	F	
100	1651010302	Đinh Trường Giang	2016K6	10	9.5	9.6	A	
101	1651010129	Ngô Phú Giang	2016K3	8.5	8.5	8.5	A	
102	1651010013	Nguyễn Hương Giang	2016K5	8.5	2.5	3.7	F	
103	1651010357	Phạm Trường Giang	2016K7	6.5	0	1.3	F	
104	1651010245	Trần Hương Giang	2016K1	8.2	3.3	4.3	D	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
105	1651010196	Nguyễn Hữu Hà	2016K4	8	5	5.6	C	
106	1651010138	Nguyễn Thị Hải Hà	2016K3	9.5	9.5	9.5	A	
107	1651010022	Nguyễn Thị Thu Hà	2016K1	8.8	5.3	6	C	
108	1651010366	Nguyễn Thúy Hà	2016K7	6	1.5	2.4	F	
109	1651010254	Tô Thị Bích Hà	2016K5	8	4	4.8	D	
110	1651010080	Trần Thị Thanh Hà	2016K2	8	2.8	3.8	F	
111	1651010367	Nguyễn Đăng Hải	2016K7	6	9.8	9	A	
112	1651010197	Nguyễn Gia Hải	2016K4	7	4.5	5	D	
113	1651010139	Nguyễn Ngọc Hải	2016K3	6.5	0.5	1.7	F	
114	1651010023	Nguyễn Văn Hải	2016K1	5.5	6.3	6.1	C	
115	1651010312	Tô Thu Hải	2016K6	9.5	9.8	9.7	A	
116	1651010081	Trần Đức Hải	2016K2	6.5	0.8	1.9	F	
117	1651010255	Trịnh Thị Hải	2016K5	8	4.8	5.4	D	
118	1651010024	Tạ Thị Hằng	2016K1	5.5	0.8	1.7	F	
119	1651010198	Hoàng Văn Hạnh	2016K4	7	0	1.4	F	
120	1651010140	Phạm Thị Hạnh	2016K3	7.5	2.5	3.5	F	
121	1651010311	Lê Văn Hào	2016K6	10	9.8	9.8	A	
122	1651010130	Phạm Hiếu Hiến	2016K3	9	8.8	8.8	A	
123	1651010358	Trần Viết Hiến	2016K7	7.5	3.8	4.5	D	
124	1651010188	Lê Thị Hiền	2016K4	6.5	0.8	1.9	F	
125	1651010072	Nguyễn Thị Thu Hiền	2016K2	7.5	4	4.7	D	
126	1651010014	Trần Thị Thu Hiền	2016K1	7.5	1.5	2.7	F	
127	1451010149	Đặng Vũ Hiệp	2014K3	4	0	0.8	F	
128	1651010360	Nguyễn Đại Hiệp	2016K7	5	0	1	F	
129	1651010248	Phùng Văn Hiệp	2016K5	8.5	5.5	6.1	C	
130	1651010246	Bùi Mạnh Hiếu	2016K5	8.5	7.8	7.9	B	
131	1651010303	Bùi Tiến Hiếu	2016K6	9	2.5	3.8	F	
132	1651010189	Bùi Trung Hiếu	2016K4	7	0	1.4	F	
133	1651010073	Lê Minh Hiếu	2016K2	5	0	1	F	
134	1651010304	Ngô Minh Hiếu	2016K6	10	9	9.2	A	
135	1651010247	Nguyễn Đức Hiếu	2016K5	8.5	7.5	7.7	B	
136	1651010015	Nguyễn Minh Hiếu	2016K1	6.6	6	6.1	C	
137	1651010359	Nguyễn Trần Minh Hiếu	2016K7	4.5	0	0.9	F	
138	1651010131	Nguyễn Trung Hiếu	2016K3	7.5	1.8	2.9	F	
139	1651010190	Trần Minh Hiếu	2016K4	7	0.8	2	F	
140	1651010074	Trần Quang Hiếu	2016K2	6	0	1.2	F	
141	1651010132	Vũ Văn Hiếu	2016K3	6.5	1.8	2.7	F	
142	1651010016	Vũ Văn Hiếu	2016K1	8.1	5.5	6	C	
143	1651010305	Nguyễn Thị Hằng Hoa	2016K6	6.3	2.3	3.1	F	
144	1651010075	Nguyễn Trung Hoà	2016K2	8.5	3.5	4.5	D	
145	1651010368	Đinh Trọng Hòa	2016K7	6	0	1.2	F	
146	1651010191	Mai Bá Hoan	2016K4	8.5	7.3	7.5	B	
147	1651010361	Đỗ Tuấn Hoàn	2016K7	6	3.5	4	D	
148	1651010017	Nguyễn Khắc Hoàn	2016K1	8.6	5.3	6	C	
149	1651010133	Vi Đức Hoàn	2016K1	8.2	3	4	D	
150	1651010249	Khuất Duy Hoàng	2016K5	7	0.8	2	F	
151	1651010306	Lý Minh Hoàng	2016K6	5.3	0	1.1	F	
152	1651010192	Nguyễn Minh Hoàng	2016K4	6	4.5	4.8	D	
153	1651010134	Nguyễn Minh Hoàng	2016K3	0	0	0	F	K
154	1651010018	Nguyễn Việt Hoàng	2016K1	4	1.5	2	F	
155	1651010076	Phan Đình Hoàng	2016K2	0	0	0	F	
156	1651010362	Phạm Công Hoàng	2016K7	0	0	0	F	K
157	1651010250	Phạm Huy Hoàng	2016K5	5.5	0	1.1	F	
158	1651010307	Phạm Văn Hoàng	2016K6	7	4.5	5	D	
159	1651010193	Quách Đặng Hoàng	2016K4	7	8.5	8.2	B	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
160	1651010019	Trần Đình Hoàng	2016K1	8	2.3	3.4	F	
161	1651010135	Trần Nhật Hoàng	2016K3	6.5	0	1.3	F	
162	1651010077	Trịnh Đăng Hoàng	2016K2	9	7	7.4	B	
163	1651010082	Cao Mạnh Hùng	2016K2	8.5	0	1.7	F	
164	1651010256	Hà Mạnh Hùng	2016K5	6	0	1.2	F	
165	1651010313	Lê Mạnh Hùng	2016K6	6.5	3	3.7	F	
166	1651010025	Ngô Việt Hùng	2016K1	7.7	6.5	6.7	C	
167	1651010199	Nguyễn Đức Hùng	2016K4	6	1.5	2.4	F	
168	1651010141	Nguyễn Đức Hùng	2016K3	8	1.3	2.6	F	
169	1651010369	Phan Mạnh Hùng	2016K7	6.5	0	1.3	F	
170	1651010083	Trịnh Xuân Hùng	2016K2	8.5	1	2.5	F	
171	1651010257	Võ Sỹ Hùng	2016K5	8	6.3	6.6	C	
172	1651010309	Mai Văn Hưng	2016K6	7	0	1.4	F	
173	1651010195	Nguyễn Ngọc Hưng	2016K4	0	0	0	F	K
174	1453010028	Nguyễn Ngọc Công Hưng	2014KX2	7.5	2.5	3.5	F	
175	1651010137	Phan Văn Hưng	2016K3	7	1.5	2.6	F	
176	1651010021	Bùi Thị Lan Hương	2016K1	5.5	4.3	4.5	D	
177	1651010253	Đỗ Thị Mai Hương	2016K5	8	3.3	4.2	D	
178	1651010365	Nguyễn Thị Lan Hương	2016K7	7	3.8	4.4	D	
179	1651010079	Trần Thị Thanh Hương	2016K2	9	8.5	8.6	A	
180	1651010310	Nguyễn Thị Hường	2016K6	6	4.5	4.8	D	
181	1651010363	Bùi Trần Tấn Huy	2016K7	5.5	0	1.1	F	
182	1651010251	Hồ Minh Huy	2016K5	8.5	7.5	7.7	B	
183	1651010308	Nguyễn Quang Huy	2016K6	6.8	8.5	8.2	B	
184	1651010194	Trịnh Đăng Huy	2016K4	9	9	9	A	
185	1651010136	Bùi Thị Thanh Huyền	2016K3	6.5	0	1.3	F	
186	1651010252	Đặng Thị Huyền	2016K5	8	8.5	8.4	B	
187	1651010020	Hoàng Thị Huyền	2016K1	8.9	10	9.8	A	
188	1651010364	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2016K7	7	9	8.6	A	
189	1651010078	Vũ Thị Thúy Huyền	2016K2	8.5	0.5	2.1	F	
190	1651010463	PATTHANA KEOINDA	2016K3	3	0	0.6	F	
191	1651010314	Nguyễn Ngọc Kha	2016K6	6	0	1.2	F	
192	1651010142	Nguyễn Bá Khải	2016K3	8.5	1	2.5	F	
193	1651010026	Lê Quốc Khánh	2016K1	7	4.8	5.2	D	
194	1651010370	Mai Văn Khánh	2016K7	7.5	3.8	4.5	D	
195	1651010084	Nghiêm Bảo Khánh	2016K2	9	5	5.8	C	
196	1651010258	Phạm Duy Khánh	2016K5	7	0	1.4	F	
197	1651010315	Vũ Hải Khánh	2016K6	6.5	0.5	1.7	F	
198	1651010200	Nguyễn Đăng Khoa	2016K4	7	1.3	2.4	F	
199	1651010201	Nguyễn Ngọc Kiên	2016K4	7	0.5	1.8	F	
200	1651010143	Phạm Đức Kiên	2016K3	6.5	0	1.3	F	
201	1651010085	Đoàn Ngọc Lam	2016K2	8	0.5	2	F	
202	1651010027	Lê Thành Lam	2016K7	0	0	0	F	K
203	1651010371	Nguyễn Công Hoàng Lam	2016K7	0	0	0	F	K
204	1651010031	Bùi Thị Ngọc Lâm	2016K1	8.5	6.8	7.1	B	
205	1651010319	Dương Tùng Lâm	2016K6	6.8	6.5	6.6	C	
206	1651010205	Phạm Ngọc Lâm	2016K4	7	0	1.4	F	
207	1651010147	Trần Thanh Lâm	2016K3	6.5	5.5	5.7	C	
208	1651010262	Vũ Xuân Lãm	2016K5	4	2.6	2.9	F	
209	1451010201	Nguyễn Thị Lành	2014K2	8.5	7	7.3	B	
210	1453012001	Lê Thị Liên	2014KX1	9.5	6	6.7	C	
211	1453010051	Hoàng Thị Liễu	2014KX1	10	7.8	8.2	B	
212	1651010202	Bùi Chí Linh	2016K4	7	0	1.4	F	
213	1651010028	Bùi Hà Linh	2016K1	8.3	4	4.9	D	
214	1651010259	Kiều Yến Linh	2016K5	8.5	5.8	6.3	C	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
215	1651010144	Lê Sỹ Linh	2016K3	0	0	0	F	
216	1651010316	Nguyễn Quang Linh	2016K4	9	7.8	8	B	
217	1651010372	Nguyễn Thùy Linh	2016K7	7	6	6.2	C	
218	1651010086	Nguyễn Thùy Linh	2016K2	8	3.5	4.4	D	
219	1651010373	Nguyễn Văn Linh	2016K7	4.5	3.5	3.7	F	
220	1651010317	Phạm Văn Linh	2016K6	7.6	8.7	8.5	A	
221	1651010203	Phùng Nhất Linh	2016K4	10	9.5	9.6	A	
222	1651010145	Sùng Chí Linh	2016K3	6	0.5	1.6	F	
223	1651010029	Trịnh Hoàng Diệu Linh	2016K1	8	8	8	B	
224	1651010260	Võ Quyền Linh	2016K5	7.5	2	3.1	F	
225	1651010146	Đỗ Thành Long	2016K3	6.5	0.5	1.7	F	
226	1651010087	Nguyễn Hữu Long	2016K2	6	0	1.2	F	
227	1651010261	Phạm Đức Long	2016K5	8	2.5	3.6	F	
228	1651010318	Trần Đức Long	2016K6	0	0	0	F	K
229	1551010050	Trương Thành Long	2015K7	9	4.8	5.6	C	
230	1651010204	Vũ Hải Long	2016K4	0	0	0	F	K
231	1651010089	Đoàn Mạnh Lực	2016K2	8	1.3	2.6	F	
232	1651010375	Hà Văn Lực	2016K7	4	0	0.8	F	
233	1651010030	Lê Khánh Ly	2016K1	6.1	1.8	2.7	F	
234	1651010374	Lưu Diệu Ly	2016K7	7.5	6.5	6.7	C	
235	1651010088	Vũ Thị Ly	2016K2	8	3.5	4.4	D	
236	1651010206	Đặng Vũ Xuân Mai	2016K4	9.5	6	6.7	C	
237	1651010263	Lê Ngọc Mai	2016K5	8	3.8	4.6	D	
238	1651010320	Nguyễn Thị Ngọc Mai	2016K6	5	2.5	3	F	
239	1451010222	Nguyễn Thị Sao Mai	2014K2	7.5	7.8	7.7	B	
240	1651010323	Bùi Tiến Mạnh	2016K6	4.5	9	8.1	B	
241	1651010209	Nguyễn Khắc Mạnh	2016K4	6	3	3.6	F	
242	1651010151	Tạ Quang Mạnh	2016K3	6.5	2	2.9	F	
243	1651010148	Cao Công Minh	2016K3	1	0	0.2	F	
244	1651010208	Đào Ngọc Minh	2016K4	0	0	0	F	K
245	1651010322	Đinh Quang Minh	2016K6	5.8	4.8	5	D	
246	1651010150	Đỗ Nhật Minh	2016K3	5	0	1	F	
247	1651010032	Hồ Quang Minh	2016K1	0	0	0	F	K
248	1651010376	Lê Đức Minh	2016K3	6.5	0.5	1.7	F	
249	1651010090	Lê Đức Minh	2016K2	9	7.5	7.8	B	
250	1651010264	Lý Nhật Minh	2016K5	7.5	2.8	3.7	F	
251	1651010321	Nguyễn Khắc Minh	2016K6	6.4	0.8	1.9	F	
252	1651010207	Phạm Quang Minh	2016K4	7	1.5	2.6	F	
253	1651010149	Trần Công Minh	2016K3	0	0	0	F	
254	1651010033	Trần Trọng Minh	2016K1	8.8	4.3	5.2	D	
255	1651010377	Trần Xuân Minh	2016K7	7.5	0.5	1.9	F	
256	1651010265	Vũ Đăng Minh	2016K5	8.5	6.5	6.9	C	
257	1651010091	Vũ Quang Minh	2016K2	8	2.5	3.6	F	
258	1651010266	Đỗ Thị Trà My	2016K1	0	0	0	F	K
259	1651010034	Hoàng Thị Trà My	2016K1	6.5	0	1.3	F	
260	1651010092	Trần Thị Thảo My	2016K2	8.5	4.3	5.1	D	
261	1651010379	Hoàng Thị Nhu Mỳ	2016K7	7	0.5	1.8	F	
262	1651010324	Đinh Tiến Nam	2016K6	6.1	0.5	1.6	F	
263	1651010210	Đỗ Hải Nam	2016K4	6	0	1.2	F	
264	1651010035	Lê Văn Nam	2016K1	8.3	5.8	6.3	C	
265	1651010093	Lương Thành Nam	2016K2	8.5	8.3	8.3	B	
266	1651010267	Vũ Thành Nam	2016K5	7	3	3.8	F	
267	1651010152	Lý Quỳnh Nga	2016K3	9.5	2.5	3.9	F	
268	1651010036	Nguyễn Thị Nga	2016K1	8.6	7	7.3	B	
269	1651010380	Nguyễn Thuý Nga	2016K7	7	7	7	B	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
270	1651010153	Hoàng Thế Ngà	2016K3	6.5	0	1.3	F	
271	1651010094	Lê Minh Nghĩa	2016K2	6.5	4.5	4.9	D	
272	1651010268	Triệu Minh Nghĩa	2016K5	3	0	0.6	F	
273	1651010459	Hoàng Bích Ngọc	2016K4	7	1.3	2.4	F	
274	1651010381	Nguyễn Thị Ngọc	2016K7	7.5	0.5	1.9	F	
275	1651010037	Phan Thị Ngọc	2016K1	7.3	4.8	5.3	D	
276	1651010095	Vũ Hồng Ngọc	2016K2	8	2.3	3.4	F	
277	1453010065	Nguyễn Thảo Nguyên	2014KX1	10	8	8.4	B	
278	1651010325	Trần Đình Nguyên	2016K6	4.5	2	2.5	F	
279	1651010211	Vũ Thị Minh Nguyệt	2016K4	8	4.5	5.2	D	
280	1651010326	Nguyễn Văn Nhất	2016K6	4.5	0.5	1.3	F	
281	1651010212	Nguyễn Minh Nhật	2016K4	5	0	1	F	
282	1651010269	Phạm Thị Nhi	2016K5	7.5	3.3	4.1	D	
283	1453010066	Nguyễn Hồng Nhung	2014KX2	0	0	0	F	K
284	1651010154	Hoàng Thị Oanh	2016K3	8	3.5	4.4	D	
285	1651010382	Ong Thị Kim Oanh	2016K7	7	9.3	8.8	A	
286	1651010464	DETHMANY OULAISITH	2016K3	1	0	0.2	F	
287	1651010270	Lê Hữu Phong	2016K5	8.5	5	5.7	C	
288	1453010108	Nguyễn Đại Phong	2014KX2	0	0	0	F	K
289	1651010328	Bùi Văn Phú	2016K6	6.5	2.5	3.3	F	
290	1651010214	Trần Thái Thiên Phú	2016K4	7	0.8	2	F	
291	1451010266	Lê Minh Phúc	2014K4	8	6.5	6.8	C	
292	1651010156	Nguyễn Văn Phúc	2016K3	8.5	7.5	7.7	B	
293	1651010384	Vi Kim Phụng	2016K7	7	8.5	8.2	B	
294	1651010097	Nguyễn Hữu Phước	2016K2	6	1	2	F	
295	1651010327	Bùi Thị Phương	2016K6	7.5	9	8.7	A	
296	1651010213	Bùi Thị Hoài Phương	2016K4	8	4.5	5.2	D	
297	1651010096	Đồng Đình Phương	2016K2	8	5.5	6	C	
298	1651010155	Nguyễn Nam Phương	2016K3	7	0	1.4	F	
299	1651010383	Nguyễn Ngọc Phương	2016K7	5.5	1	1.9	F	
300	1651010038	Nguyễn Thị Hà Phương	2016K1	6.6	0.3	1.6	F	
301	1651010039	Phạm Anh Phương	2016K1	0	0	0	F	K
302	1651010271	Đậu Văn Phượng	2016K5	9	8.8	8.8	A	
303	1651010216	Đỗ Đức Quân	2016K4	6	2.5	3.2	F	
304	1651010041	Ngô Hồng Quân	2016K1	5	2	2.6	F	
305	1651010385	Nguyễn Mạnh Quân	2016K7	5.5	0.5	1.5	F	
306	1651010099	Trần Anh Quân	2016K2	8.5	5.8	6.3	C	
307	1651010457	Vũ Hồng Quân	2016K1	6.8	2.8	3.6	F	
308	1651010330	Vũ Hồng Quân	2016K6	9	9	9	A	
309	1651010273	Vũ Hồng Quân	2016K5	7	0.3	1.6	F	
310	1651010040	Bùi Nhật Quang	2016K1	6	3.5	4	D	
311	1651010098	Lưu Văn Quang	2016K2	7	6.3	6.4	C	
312	1551010352	Ngô Thành Quốc	2015K5	0	0	0	F	K
313	1651010157	Thân Văn Quyến	2016K3	0	0	0	F	
314	1651010272	Hoàng Văn Quyền	2016K5	8	6	6.4	C	
315	1651010329	Lê Bá Thái Quyền	2016K6	6	0	1.2	F	
316	1651010215	Trịnh Văn Quyền	2016K4	7	6.3	6.4	C	
317	1651010158	Dương Thị Hương Quỳnh	2016K3	8.5	3.5	4.5	D	
318	1651010274	hà THị Sâm	2016K5	7.5	0.5	1.9	F	
319	1651010100	Nguyễn Thành Sinh	2016K2	8.5	1.8	3.1	F	
320	1651010218	Đào Thế Sơn	2016K4	6	0.5	1.6	F	
321	1551010142	Đặng Văn Sơn	2015K5	9.5	9.5	9.5	A	
322	1651010332	Đinh Ngọc Sơn	2016K6	6	0.5	1.6	F	
323	1651010160	Đồng Quang Sơn	2016K3	7	6.5	6.6	C	
324	1651010331	Lê Công Sơn	2016K6	6	3.8	4.2	D	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
325	1651010042	Nguyễn Cao Sơn	2016K1	7.6	9	8.7	A	
326	1651010217	Nguyễn Hoài Sơn	2016K4	7	5.3	5.6	C	
327	1651010159	Nguyễn Hoài Sơn	2016K3	7.5	6	6.3	C	
328	1651010387	Nguyễn Hồng Sơn	2016K7	6.5	4	4.5	D	
329	1651010101	Nguyễn Hồng Sơn	2016K2	8.5	6	6.5	C	
330	1651010043	Nguyễn Trường Sơn	2016K1	8.7	9	8.9	A	
331	1651010275	Trần Thái Sơn	2016K5	7.5	5.5	5.9	C	
332	1651010343	Nguyễn Hoàng Tài	2016K6	4.1	0	0.8	F	
333	1651010460	Nguyễn Thị Thanh Tâm	2016K4	7	7	7	B	
334	1651010054	Nguyễn Thị Thanh Tâm	2016K1	9	9	9	A	
335	1651010112	Trương Ngọc Tâm	2016K2	5	2.5	3	F	
336	1651010286	Bùi Ngọc Tân	2016K5	7.5	3	3.9	F	
337	1651010048	Nguyễn Hồng Thái	2016K1	10	9.8	9.8	A	
338	1651010106	Nông Phan Mạnh Thái	2016K2	8.5	1.3	2.7	F	
339	1651010280	Trần Minh Thái	2016K5	8.5	5.8	6.3	C	
340	1553010148	Vũ Đức Thái	2015KX3	5.2	0.5	1.4	F	
341	1651010277	Lê Văn Thăng	2016K4	6	3.5	4	D	
342	1651010334	Nguyễn Trung Thăng	2016K6	7	4.8	5.2	D	
343	1651010337	Hoàng Đức Thắng	2016K6	6.5	6	6.1	C	
344	1651010223	Lưu Thị Thắng	2016K4	8	6.5	6.8	C	
345	1651010165	Nguyễn Đình Thắng	2016K3	7	2.3	3.2	F	
346	1651010393	Phùng Ngọc Thắng	2016K7	7.5	0.5	1.9	F	
347	1651010044	Nguyễn Ngọc Thanh	2016K1	5	1.8	2.4	F	
348	1651010335	Khổng Tất Thành	2016K6	5.8	0.5	1.6	F	
349	1651010221	Nguyễn Chí Thành	2016K4	5	0.5	1.4	F	
350	1651010163	Nguyễn Duy Thành	2016K3	6.5	6	6.1	C	
351	1651010391	Nguyễn Lương Thành	2016K7	0	0	0	F	
352	1651010047	Nguyễn Văn Thành	2016K1	7	5.3	5.6	C	
353	1651010279	Bùi Phương Thảo	2016K5	7	3.5	4.2	D	
354	1651010392	Đào Phương Thảo	2016K7	7	5.8	6	C	
355	1651010164	Đoàn Thị Thảo	2016K3	8	3.8	4.6	D	
356	1651010105	Lê Thị Thanh Thảo	2016K2	7.5	0.3	1.7	F	
357	1651010336	Nguyễn Ngọc Thu Thảo	2016K6	7	6.5	6.6	C	
358	1651010222	Nguyễn Thị Bích Thảo	2016K4	8	4.5	5.2	D	
359	1651010049	Phạm Ngọc Thép	2016K1	7.8	4.3	5	D	
360	1651010102	Phạm Ngọc Thiêm	2016K2	7.5	2.8	3.7	F	
361	1651010388	Hà Sĩ Thiên	2016K7	4.5	0.3	1.1	F	
362	1651010276	Nguyễn Bảo Thiên	2016K5	7	3.3	4	D	
363	1651010333	Đào Đăng Thiện	2016K6	6.2	6	6	C	
364	1651010162	Đặng Đức Thông	2016K3	6.5	5.5	5.7	C	
365	1651010220	Hà Xuân Thông	2016K4	9.5	7.8	8.1	B	
366	1651010161	Nguyễn Thị Thu	2016K3	7	0.5	1.8	F	
367	1651010390	Phạm Thị Mai Thư	2016K7	7.5	8	7.9	B	
368	1651010046	Trịnh Đức Thư	2016K1	7.2	4.8	5.3	D	
369	1651010045	Thái Doãn Thuận	2016K1	6.5	3.8	4.3	D	
370	1651010104	Đỗ Thị Thương Thương	2016K2	8	1.8	3	F	
371	1651010278	Phạm Thị Thường	2016K5	8	3	4	D	
372	1651010103	Đinh Thị Thuý	2016K2	10	9.5	9.6	A	
373	1651010338	Nguyễn Thị Thúy	2016K6	5.8	5.8	5.8	C	
374	1651010281	Đỗ Vũ Thủy	2016K5	7	0	1.4	F	
375	1651010107	Nguyễn Thu Thủy	2016K2	8	3.8	4.6	D	
376	1651010389	Phạm Duy Thuyết	2016K7	0	0	0	F	
377	1651010224	Hoàng Trung Tiến	2016K4	7	1.5	2.6	F	
378	1651010166	Nguyễn Duy Tiến	2016K3	8	4	4.8	D	
379	1651010394	Nguyễn Minh Tiến	2016K7	6	1.5	2.4	F	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
380	1651010050	Phạm Ngọc Tiến	2016K1	0	0	0	F	K
381	1651010108	Phùng Văn Tiến	2016K2	7.5	0.3	1.7	F	
382	1651010282	Nguyễn Ngọc Toàn	2016K5	4	0.3	1	F	
383	1651010339	Nguyễn Văn Toản	2016K6	9	6.5	7	B	
384	1651010229	Thái Doãn Tòng	2016K4	7	7.5	7.4	B	
385	1651010341	Lê Thu Trà	2016K6	7	3	3.8	F	
386	1651010225	Lê Thị Trang	2016K4	8	3.8	4.6	D	
387	1651010167	Lương Đình Trang	2016K3	7	0.3	1.6	F	
388	1651010395	Nguyễn Thị Trang	2016K7	7	5.5	5.8	C	
389	1651010051	Trần Thị Huyền Trang	2016K1	6	6.3	6.2	C	
390	1651010109	Trần Thị Thu Trang	2016K2	7.5	5.5	5.9	C	
391	1651010283	Lê Thục Trinh	2016K5	8	5.5	6	C	
392	1651010169	Đào Duy Trọng	2016K3	9	1.8	3.2	F	
393	1651010227	Phan Đình Trọng	2016K4	8	1.5	2.8	F	
394	1651010340	Nguyễn Ngọc Trung	2016K6	6.5	0.3	1.5	F	
395	1651010226	Nguyễn Thành Trung	2016K5	9	6.5	7	B	
396	1651010168	Trần Hà Trung	2016K3	6	0	1.2	F	
397	1551010101	Trần Hiếu Trung	2015K7	5	0	1	F	
398	1651010396	Vũ Việt Trung	2016K7	6	0	1.2	F	
399	1651010284	Đặng Lam Trường	2016K5	8.5	8.8	8.7	A	
400	1651010110	Đoàn Đức Trường	2016K2	8	7	7.2	B	
401	1651010052	Nguyễn Xuân Trường	2016K1	7.2	6	6.2	C	
402	1651010230	Doãn Anh Tú	2016K4	8	5	5.6	C	
403	1651010114	Đỗ Thị Tú	2016K2	8.5	5.3	5.9	C	
404	1451010382	Lê Đình Tú	2014K2	7	2	3	F	
405	1651010456	Lê Quốc Tú	2016K7	7	3	3.8	F	
406	1651010172	Nguyễn Minh Tú	2016K3	7	1.5	2.6	F	
407	1651010400	Nhữ Minh Tú	2016K7	5.5	3	3.5	F	
408	1651010056	Vũ Anh Tú	2016K1	0	0	0	F	K
409	1651010288	Vũ Xuân Tứ	2016K5	7	2	3	F	
410	1651010111	Phạm Văn Tuân	2016K3	6.5	0	1.3	F	
411	1451010365	Trần Công Tuân	2014K7	0	0	0	F	K
412	1651010285	Lê Anh Tuấn	2016K5	4	0	0.8	F	
413	1651010228	Phạm Anh Tuấn	2016K4	8	5	5.6	C	
414	1651010170	Phạm Văn Tuấn	2016K3	6.5	0	1.3	F	
415	1651010398	Trần Anh Tuấn	2016K7	10	9	9.2	A	
416	1651010344	Hà Thanh Tùng	2016K6	7.5	8	7.9	B	
417	1651010171	Lê Anh Tùng	2016K3	6.5	0.3	1.5	F	
418	1651010399	Lê Xuân Tùng	2016K7	5	0.3	1.2	F	
419	1651010055	Nguyễn Ngọc Tùng	2016K1		0	0	F	
420	1651010113	Nguyễn Thanh Tùng	2016K2	8	3.5	4.4	D	
421	1651010287	Trần Xuân Tùng	2016K5	7.5	5.5	5.9	C	
422	1651010397	Lê Đình Tuyên	2016K7	0	0	0	F	K
423	1651010053	Phạm Đức Tuyển	2016K1	4.5	5	4.9	D	
424	1651010401	Đào Thị Vân	2016K7	7	6	6.2	C	
425	1651010345	Bùi Quang Vinh	2016K6	7.3	7.3	7.3	B	
426	1651010231	Bùi Thế Vinh	2016K4	8	2	3.2	F	
427	1651010173	Nguyễn Quang Vinh	2016K3	8	0.5	2	F	
428	1651010115	Lê Tuấn Vũ	2016K2	8.5	4.8	5.5	C	
429	1651010057	Vũ Thành Vương	2016K1	4	0	0.8	F	
430	1651010289	Nguyễn Mậu Trường	2016K5	6.5	0.3	1.5	F	
431	1651010232	Trần Văn Xuân	2016K4	8	5	5.6	C	
432	1651010058	Trần Thị Mỹ ý	2016K1	7	7	7	B	
433	1651010174	Đặng Hải Yến	2016K3	9.5	8.3	8.5	A	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú

- Tổng số điểm A: 36
- Tổng số điểm B: 41
- Tổng số điểm C: 67
- Tổng số điểm D: 64
- Tổng số điểm F: 225
- Tổng số điểm X: 0
- Tổng số điểm I: 0

12 tháng 4 năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG TT - KT & ĐBCL